TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NINH KIỀU** **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2025/DS-ST
Ngày 18-6-2025
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NINH KIỀU, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hồ Thị Kim Luyến.

Bà Đỗ Thị Lệ Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quang Tú – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Trâm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13, 18 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 274/2024/TLST-DS ngày 02 tháng 5 năm 2024 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 479/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Trần Công P**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Số A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: M đường số A, Trung tâm Văn hóa T, phường H, quận C, thành phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 21-3-2024). (có mặt).

- *Bị đơn:*

1. Ông **Trần Công T**, sinh năm 1960 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Ông **Trần Phú T1**, sinh năm 1966 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Bà **Trần Thị Hiếu T2**, sinh năm 1968 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Ông **Trần Nhựt T3**, sinh năm 1980 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Bà **Trần Thị Thu T4,** sinh năm 1973 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số C khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

6. Ông **Trần Thế L**, sinh năm 1970 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số C khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

7. Ông **Trần Thế N**, sinh năm 1975 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số C khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

8. Bà **Trần Thị K,** sinh năm 1978 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số C khu V, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà **Lê Thị B**, sinh năm 1939 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số F đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

2. Bà **Nguyễn Thị Kim H1**, sinh năm 1966 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Ông **Trần Công H2**, sinh năm 1992 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

4. Bà **Trần Thị Ngọc H3**, sinh năm 1995 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Số A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

5. Ông **Trần Văn N1**, sinh năm 1940 (có yêu cầu giải quyết vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ.

6. Bà **Trần Thị H4** (đã chết năm 2008)

Địa chỉ: Số B ấp L, xã A (P) nay là phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

7. Bà **Trần Thị N2** (đã chết năm 2019)

Địa chỉ: Số B ấp L, xã A (P) nay là phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

8. Ông **Trần Văn T5** (đã chết năm 1997)

Địa chỉ: Số B ấp L, xã A (P) nay là phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 16-3-2024 và trong quá trình giải quyết đại diện ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Lúc sinh thời cha nguyên đơn là ông Trần Công L1 và mẹ là bà Lê Thị B thừa hưởng và tiếp tục duy trì quyền sử dụng đất của ông bà để lại tọa lạc tại hẻm A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ nhưng chưa đăng ký cấp giấy chứng nhận.

Khu đất tọa lạc tại hẻm A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ có diện tích hơn 300m^2 nguồn gốc là của cụ Lương Văn S. Theo Tờ thuận phân ngày 28-5-1930 với nội dung chỉ định bà Lương Thị T6 (trưởng nữ của ông S) và bà Lương Thị N3 (thứ nữ của ông S) thừa hưởng phần hương hỏa này. Bà N3 do lập gia đình, sinh sống bên nhà chồng nên phần hương hỏa này do bà T6 trực tiếp canh tác và quản lý. Khi bà T6 qua đời, đã giao quyền quản lý cho ông Trần Văn V (con trai cả của bà T6) theo Chứng thư thừa kế số 563/THG/Q/CTTK ngày 26-12-1972 của Tòa hòa giải quận C, tỉnh Phong Dinh chứng nhận ông V là người thừa kế chính thức phần đất tọa lạc tại hẻm A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đến năm 1976 ông Trần Văn V chết, theo biên bản cuộc họp họ tộc thống nhất giao toàn bộ phần đất cho ông Trần Công L1 là con ruột quản lý, sử dụng.

Ông Trần Văn V có tất cả 05 người con gồm: Bà Trần Thị H4 (chết năm 2008), bà Trần Thị N2 (chết năm 2019), ông Trần Văn T5 (chết năm 1997), ông Trần Công L1 (chết năm 2017) và ông Trần Văn N1. Sau khi ông V chết thì tất cả các người con của ông vẫn sinh sống tại địa chỉ 2 ấp L, xã A (P), nay là phường A, quận N, thành phố Cần Thơ cho đến khi chết. Hàng thừa kế của bà Trần Thị H4, bà Trần Thị N2, ông Trần Văn T5 hiện không xác định được có bao nhiêu người và cũng không rõ đang sinh sống nơi đâu.

Ông Trần Công L1 và vợ bà Lê Thị B thừa hưởng và tiếp tục duy trì quyền sử dụng đất của ông bà để lại tọa lạc tại hẻm A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ. Sau khi đo vẽ cập nhật có số thửa là 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho nguyên đơn trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay. Trên thửa đất này có những người đang ở gồm: Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim H1 (vợ của nguyên đơn), ông Trần Công H2 (con của nguyên đơn) và bà Trần Thị Ngọc H3 (con dâu của nguyên đơn).

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Do các đồng thừa kế không tự thỏa thuận phân chia di sản và khi qua đời cha nguyên đơn không để lại di chúc, do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết chia thừa kế theo pháp luật.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 bị đơn – ông Trần Công T trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do cha ông là ông Trần Công L1 và mẹ ông là bà Lê Thị B thừa hưởng của ông bà để lại.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, mẹ ông là bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông có ý kiến như sau:

+ Di sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là đúng.

+ Ông Trần Công L1 trước khi chết không để lại di chúc.

+ Với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất, ông đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông cho ông Trần Công P thụ hưởng.

+ Việc nhường quyền thừa kế này là tự nguyện, không vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 bị đơn – ông Trần Phú T1 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do cha ông là ông Trần Công L1 và mẹ ông là bà Lê Thị B thừa hưởng của ông bà để lại.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, mẹ ông là bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông có ý kiến như sau:

+ Di sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là đúng.

+ Ông Trần Công L1 trước khi chết không để lại di chúc.

+ Với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất, ông đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông cho ông Trần Công P thụ hưởng.

+ Việc nhường quyền thừa kế này là tự nguyện, không vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 bị đơn - bà Trần Thị Hiếu T2 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do cha bà là ông Trần Công L1 và mẹ bà là bà Lê Thị B thừa hưởng của ông bà để lại.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, mẹ bà là bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị HIếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bà có ý kiến như sau:

+ Di sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là đúng.

+ Ông Trần Công L1 trước khi chết không để lại di chúc.

+ Với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất, ông đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông cho ông Trần Công P thụ hưởng.

+ Việc nhường quyền thừa kế này là tự nguyện, không vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 bị đơn – ông Trần Nhựt T3 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do cha ông là ông Trần Công L1 và mẹ ông là bà Lê Thị B thừa hưởng của ông bà để lại.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, mẹ ông là bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông có ý kiến như sau:

+ Di sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là đúng.

+ Ông Trần Công L1 trước khi chết không để lại di chúc.

+ Với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất, ông đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông cho ông Trần Công P thụ hưởng.

+ Việc nhường quyền thừa kế này là tự nguyện, không vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 bị đơn - bà Trần Thị Thu T4 trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do cha bà là ông Trần Công L1 và mẹ bà là bà Lê Thị B thừa hưởng của ông bà để lại.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, mẹ bà là bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bà có ý kiến như sau:

+ Di sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là đúng.

+ Ông Trần Công L1 trước khi chết không để lại di chúc.

+ Với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất, ông đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông cho ông Trần Công P thụ hưởng.

+ Việc nhường quyền thừa kế này là tự nguyện, không vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 bị đơn – ông Trần Thế L trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do cha ông là ông Trần Công L1 và mẹ ông là bà Lê Thị B thừa hưởng của ông bà để lại.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, mẹ ông là bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông có ý kiến như sau:

+ Di sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là đúng.

+ Ông Trần Công L1 trước khi chết không để lại di chúc.

+ Với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất, ông đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông cho ông Trần Công P thụ hưởng.

+ Việc nhường quyền thừa kế này là tự nguyện, không vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 bị đơn – ông Trần Thế N trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do cha ông là ông Trần Công L1 và mẹ ông là bà Lê Thị B thừa hưởng của ông bà để lại.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, mẹ ông là bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, ông có ý kiến như sau:

+ Di sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là đúng.

+ Ông Trần Công L1 trước khi chết không để lại di chúc.

+ Với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất, ông đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông cho ông Trần Công P thụ hưởng.

+ Việc nhường quyền thừa kế này là tự nguyện, không vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 bị đơn – bà Trần Thị K trình bày:*

Nguồn gốc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do cha bà là ông Trần Công L1 và mẹ bà là bà Lê Thị B thừa hưởng của ông bà để lại.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc, mẹ bà là bà Lê Thị B lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho ông Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị HIếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, bà có ý kiến như sau:

+ Di sản là thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là đúng.

+ Ông Trần Công L1 trước khi chết không để lại di chúc.

+ Với tư cách là hàng thừa kế thứ nhất, ông đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của ông cho ông Trần Công P thụ hưởng.

+ Việc nhường quyền thừa kế này là tự nguyện, không vì mục đích trốn tránh nghĩa vụ.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Lê Thị B trình bày:*

Thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ do bà và chồng bà là ông Trần Công L1 thừa hưởng của ông bà để lại và duy trì cho đến hôm nay.

Năm 2017 ông Trần Công L1 chết, không để lại di chúc. Bà lớn tuổi nên giao toàn bộ diện tích đất nêu trên cho con ruột là Trần Công P trực tiếp quản lý, sử dụng cho đến nay.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Trần Công L1 gồm 10 người: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Ông P yêu cầu chia thừa kế, bà có ý kiến như sau:

+ Bà đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của bà cho ông Trần Công P thụ hưởng, kể cả phần tài sản riêng 50% trong khối di sản là thửa đất số số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ cho ông P thụ hưởng và có toàn quyền định đoạt.

+ Bà cam kết việc nhường quyền và giao tài sản này không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ với người thứ ba.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị Kim H1 trình bày:*

Bà là vợ của ông Trần Công P, nguyên đơn trong vụ án và đang ở tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông Trần Công P yêu cầu chia thừa kế, bà có ý kiến như sau: Bà không phải là hàng thừa kế và cũng không phải diện thừa kế thế vị hoặc chuyển tiếp nên không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong vụ án này và bà cũng không có yêu cầu.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Công H2 trình bày:*

Ông là con ruột của ông Trần Công P, nguyên đơn trong vụ án và đang ở tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông Trần Công P yêu cầu chia thừa kế, ông có ý kiến như sau: Ông không phải là hàng thừa kế và cũng không phải diện thừa kế thế vị hoặc chuyển tiếp nên không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong vụ án này và ông cũng không có yêu cầu.

** Tại bản tự khai ngày 14-5-2025 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Trần Thị Ngọc H3 trình bày:*

Bà là con dâu của ông Trần Công P, nguyên đơn trong vụ án và đang ở tại thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

Ông Trần Công P yêu cầu chia thừa kế, bà có ý kiến như sau: Bà không phải là hàng thừa kế và cũng không phải diện thừa kế thế vị hoặc chuyển tiếp nên không có quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong vụ án này và bà cũng không có yêu cầu.

** Tại đơn tường trình người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Trần Văn N1 trình bày:*

Ông là con của ông Trần Văn V, sinh năm 1900, chết năm 1976, cư trú 26/4 ấp L, xã A (P) nay là phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

Lúc sinh thời ông Trần Văn V được thừa kế tài sản theo chứng thư thừa kế số 563 ngày 26-12-1972 của Tòa hòa giải quận C, tỉnh Phong Dinh (tài sản là đất đai theo bằng khoán số 369 tọa lạc tại phường H).

Ông Trần Văn V có tất cả các người con gồm: Trần Thị H4 (chết năm 2008), Trần Thị N2 (chết năm 2019), Trần Văn T5 (chết năm 1997), Trần Công L1 (chết năm 2017), Trần Văn N1.

Ông là người thừa kế hàng thứ nhất và duy nhất của ông Trần Văn V.

Nay ông tuyên bố từ chối hưởng di sản và nhường lại toàn bộ di sản của ông V cho các con của ông Trần Công L1 hưởng.

Tại phiên tòa,

** Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Đối với những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông Trần Công L1, những người này đã có văn bản nhường kỹ phần thừa kế lại cho ông Trần Công P thừa hưởng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận.

Đối với những người thuộc hàng thừa kế theo pháp luật của ông Trần Văn V gồm: bà Trần Thị H4 (chết năm 2008), bà Trần Thị N2 (chết năm 2019), ông Trần Văn T5 (chết năm 1997); ông Trần Công L1 (chết năm 2017), ông Trần Văn N1. Ông N1 đã từ chối hưởng di sản và nhường lại toàn bộ di sản của ông V cho các con của ông Lý H5 nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Còn những người thừa kế còn lại của ông V gồm: Bà Trần Thị H4 (chết năm 2008), bà Trần Thị N2 (chết năm 2019), ông Trần Văn T5 (chết năm 1997), những người này đã chết nhưng nguyên đơn không xác định được hàng kế của những người này hiện nay đang sinh sống ở đâu nên nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 cho nguyên đơn quản lý, sử dụng và nguyên đơn được liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả giá trị (giá trị tài sản là 19.615.052.670 đồng theo Chứng thư thẩm định giá số 135/2025/14704/CT-TV ngày 07-5-2025) tương đương với kỷ phần thừa kế cho hàng thừa kế của ông V nếu sau này họ có yêu cầu.

* Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ninh Kiều phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (viết tắt BLTTDS năm 2015). Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS năm 2015. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

- Về giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

+ Nguyên đơn ông Trần Công P được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 321,3m^2 (ODT), tờ bản đồ số 45, thửa đất số 86 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 864/VPĐKĐĐ ngày 09-10-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập. Nguyên đơn được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

+ Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà H4, bà N2 và ông T5 mỗi người với số tiền là 3.923.010.534 đồng cho nguyên đơn ông Trần Công P quản lý. Nếu sau này người thừa kế của bà H4, bà N2 và ông T5 có yêu cầu thì nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều nhận định.

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án áp dụng Điều 227, Điều 228 BLTTDS năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý vụ án*: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 16-3-2024, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia quyền sử dụng đất của ông bà chết để lại, do đó xác định đây là loại kiện "Tranh chấp về thừa kế tài sản" theo quy định tại khoản 5 Điều 26 BLTTDS năm 2015. Do bị đơn có

địa chỉ cư trú tại quận N nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[3] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*:

[3.1] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp:

Nguồn gốc phần đất có diện tích 321,3m^2 thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45 tọa lạc tại hẻm A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ trước đây là của ông Lương Văn S đứng bộ bằng khoán đất số 369 gồm 03 lô 20, 21 và 54 vào năm 1937. Sau khi ông S và vợ là Nguyễn Thị D chết, vợ thứ của ông S là bà Đào Thị N4 cùng các con lập Tờ thuận phân ngày 28-5-1930 chỉ định 03 lô đất trên cho bà Lương Thị T6 quản lý.

Theo Chứng thư thừa kế số 563/THG/Q/CTTK ngày 26-12-1972 của Tòa hòa giải quận C, tỉnh Phong Dinh chứng nhận ông Trần Văn V là con của ông Trần Công T7 và bà Lương Thị T6, là người duy nhất được thừa hưởng 03 lô đất trên.

Do đó, căn cứ vào Chứng thư thừa kế số 563/THG/CTTK ngày 26-12-1972 của Tòa hòa giải quận C, tỉnh Phong Dinh và Công văn số 5539/UBND-BTCD ngày 10-12-2024 của UBND quận N, thành phố Cần Thơ về việc có ý kiến liên quan đến nguồn gốc sử dụng đất thì có cơ sở xác định phần đất có diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại hẻm A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ là của ông Trần Văn V chết để lại.

Đối chiếu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024 thể hiện:

"1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định mà có một trong các giấy tờ được lập trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 sau đây thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất và không phải nộp tiền sử dụng đất:

b) Một trong các giấy tờ về quyền sử dụng đất do cơ quan có thẩm quyền thuộc chế độ cũ cấp cho người sử dụng đất, gồm: Bằng khoán điền thổ; Văn tự đoạn mãi bất động sản có chứng nhận của cơ quan thuộc chế độ cũ; Văn tự mua bán nhà ở, tặng cho nhà ở, đổi nhà ở, thừa kế nhà ở mà gắn liền với đất ở có chứng nhận của cơ quan thuộc chế độ cũ; Bản di chúc hoặc giấy thỏa thuận tương phân di sản về nhà ở được cơ quan thuộc chế độ cũ chứng nhận; Giấy phép cho xây cất nhà ở; Giấy phép hợp thức hoá kiến trúc của cơ quan thuộc chế độ cũ cấp; Bản án của Tòa án thuộc chế độ cũ đã có hiệu lực thi hành".

Như vậy, phần đất có diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại hẻm A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Đất đai năm 2024.

[3.2] Xét yêu cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất của ông Trần Văn V chết để lại :

Theo Tờ khai mối quan hệ thừa kế do ông Trần Văn N1 lập ngày 27-3-2025 tại Văn phòng công chứng 24h và Tờ tự khai về mối quan hệ thừa kế do nguyên đơn lập ngày 25-4-2025 tại Văn phòng công chứng 24h thể hiện: Ông Trần Văn V mất năm 1976, ông V có tất cả 05 người con gồm: Bà Trần Thị H4 (chết năm 2008), bà Trần Thị N2 (chết năm 2019), ông Trần Văn T5 (chết năm 1997), ông Trần Công L1 (chết năm 2017) và ông Trần Văn N1. Ông Trần Văn V chết không để lại di chúc, do đó căn cứ vào Tờ khai mối quan hệ thừa kế do ông Trần Văn N1 lập ngày 27-3-2025 tại Văn phòng công chứng 24h và Tờ tự khai về mối quan hệ thừa kế do nguyên đơn lập ngày 25-4-2025 tại Văn phòng công chứng 24h để xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Trần Văn V bao gồm: Bà Trần Thị H4 (chết năm 2008), bà Trần Thị N2 (chết năm 2019), ông Trần Văn T5 (chết năm 1997), ông Trần Công L1 (chết năm 2017) và ông Trần Văn N1.

Ông Trần Công L1 chết không để lại di chúc, do đó căn cứ vào Tờ khai hộ tịch do nguyên đơn lập ngày 18-10-2024 tại Văn phòng C và lời khai của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định hàng thừa kế thứ nhất theo pháp luật của ông Trần Công L1 bao gồm: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị HIếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xác định nguyên đơn là người đang trực tiếp quản lý, sử dụng ổn định phần đất có diện tích 321,3m^2 thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật và đồng ý hoàn trả lại giá trị quyền sử dụng đất theo Chứng thư thẩm định giá số 135/2025/14704/CT-TV ngày 07-5-2025 do Công ty Cổ phần Đ lập tương đương với kỷ phần thừa kế cho hàng thừa kế của ông V theo quy định pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo Chứng thư thẩm định giá số 135/2025/14704/CT-TV ngày 07-5-2025 do Công ty Cổ phần Đ và Đầu tư kinh doanh bất động sản Thịnh Vượng xác định quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 86, tờ bản đồ số 45, diện tích 321,3m^2 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ có giá trị là 19.615.052.670 đồng.

Ông Trần Văn V chết không để lại di chúc nên di sản của ông V được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông V theo quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 bao gồm 05 người là: Bà Trần Thị H4 (chết năm 2008), bà Trần Thị N2 (chết năm 2019), ông Trần Văn T5 (chết năm 1997), ông Trần Công L1 (chết năm 2017) và ông Trần Văn N1, cụ thể: 19.615.052.670 đồng : 5 = 3.923.010.534 đồng. Như vậy, hàng thừa kế của ông Trần Văn V mỗi người sẽ được hưởng số tiền 3.923.010.534 đồng.

- Đối với kỷ phần thừa kế của bà Trần Thị H4 (chết năm 2008), bà Trần Thị N2 (chết năm 2019), ông Trần Văn T5 (chết năm 1997). Do nguyên đơn không xác định được hàng thừa kế của bà H4, bà N2, ông T5 hiện tại đang sinh sống ở đâu nên áp dụng Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án

nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016 sẽ tạm giao kỷ phần thừa kế của bà H4, bà N2 và ông T5 (tương đương số tiền mỗi người được hưởng 3.923.010.534 đồng) cho nguyên đơn quản lý. Nếu sau này người thừa kế của bà H4, bà N2 và ông T5 có yêu cầu thì nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại theo quy định của pháp luật.

- Đối với kỷ phần thừa kế của ông Trần Văn N1 hưởng (tương đương số tiền 3.923.010.534 đồng), do ông N1 đã có ý kiến từ chối hưởng di sản và nhường lại toàn bộ di sản cho các con của ông Trần Công L1 hưởng nên kỷ phần thừa kế của ông N1 sẽ chia đều cho các con của ông Lý H5 gồm 09 người: Ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K; cụ thể: 3.923.010.534 đồng : 9 = 435.890.059 đồng. Như vậy, ông T, ông P, ông T1, bà T2, bà T4, ông T3, ông L, ông N, bà K mỗi người sẽ được hưởng số tiền 435.890.059 đồng đồng.

- Đối với kỷ phần thừa kế của ông Trần Công L1 hưởng (tương đương số tiền 3.923.010.534 đồng) phát sinh trong kỳ hôn nhân của ông L1 và bà Lê Thị B nên là tài sản chung của ông L1 và bà B theo quy định tại Điều 33 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, ông L1 chết nên bà B được hưởng ½ số tiền (3.923.010.534 đồng: 2 = 1.961.505.267 đồng), bà B được hưởng số tiền 1.961.505.267 đồng.

Còn ½ số tiền còn lại 1.961.505.267 đồng được xác định là di sản của ông L1 chết để lại, ông L1 chết không để lại di chúc nên di sản của ông L1 sẽ được chia đều cho hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 theo quy định tại Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015 bao gồm 10 người là: Bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Công P, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K; cụ thể: 1.961.505.267 đồng : 10 = 196.150.526 đồng. Như vậy, hàng thừa kế thứ nhất của ông L1 mỗi người sẽ được hưởng số tiền là 196.150.526 đồng.

Tuy nhiên, bà Lê Thị B, ông Trần Công T, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Nhựt T3, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K đều có ý kiến đồng ý nhường lại kỹ phần thừa kế theo pháp luật của mình cho ông Trần Công P thụ hưởng. Do đó, nguyên đơn ông Trần Công P được hưởng toàn bộ kỷ phần thừa kế của ông Trần Văn N1 và ông Trần Công L1.

Do nguyên đơn yêu cầu được nhận hiện vật và hoàn trả lại giá trị cho các hàng thừa kế nên nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 321,3m^2 (ODT), tờ bản đồ số 45, thửa đất số 86 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 864/VPĐKĐĐ do Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập ngày 09-10-2024 và được quyền liên hệ với các cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định pháp luật. Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà H4, bà N2 và ông T5 mỗi người với số tiền là 3.923.010.534 đồng cho nguyên đơn ông Trần Công P quản lý. Nếu sau này người thừa kế của bà H4, bà

N2 và ông T5 có yêu cầu thì nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát là phù hợp theo quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: 35.800.000 đồng, nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn ông Trần Công P phải chịu án phí đối với giá trị phần di sản được hưởng. Tuy nhiên, do nguyên đơn là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên miễn án phí dân sự cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 5; Điều 6; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 BLTTDS năm 2015;

- Điều 609; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 620; Điều 649; Điều 650; Điều 651 và Điều 660 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 137 Luật Đất đai năm 2024;

- Điều 33 và Điều 66 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Án lệ số 06/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thông qua ngày 06-4-2016;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Công P đối với bị đơn ông Trần Công T, ông Trần Phú T1, bà Trần Thị Hiếu T2, ông Trần Nhựt T3, bà Trần Thị Thu T4, ông Trần Thế L, ông Trần Thế N, bà Trần Thị K.

Xác định phần đất có diện tích 321,3m^2 (ODT), tờ bản đồ số 45, thửa đất số 86 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 864/VPĐKĐĐ ngày 09-10-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập là di sản thừa kế của ông Trần Văn V để lại.

Nguyên đơn ông Trần Công P được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 321,3m^2 (ODT), tờ bản đồ số 45, thửa đất số 86 tọa lạc tại đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ theo Bản trích đo địa chính số 864/VPĐKĐĐ ngày 09-10-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập. Nguyên đơn được quyền liên hệ với các

cơ quan chức năng để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. *(Đính kèm: Bản trích đo địa chính số 864/VPĐKĐĐ ngày 09-10-2024 của Văn phòng đăng ký đất đai – Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố C lập).*

Tạm giao kỷ phần thừa kế của bà H4, bà N2 và ông T5 mỗi người với số tiền là 3.923.010.534 đồng (Ba tỷ chín trăm hai mươi ba triệu không trăm mười nghìn năm trăm ba mươi bốn đồng) cho nguyên đơn ông Trần Công P quản lý. Nếu sau này người thừa kế của bà H4, bà N2 và ông T5 có yêu cầu thì nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả lại theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và thẩm định giá tài sản: 35.800.000 đồng (Ba mươi lăm triệu tám trăm nghìn đồng), nguyên đơn tự nguyện chịu và đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Trần Công P được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

4. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ninh Kiều;
- Chi cục THADS Q. Ninh Kiều;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Kim Phượng